

Số: /BC-SVHTTDL

Tuyên Quang, ngày tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

- Bối cảnh quốc tế, khu vực liên quan đến các chính sách:

Những năm gần đây, du lịch thế giới chuyển mạnh theo hướng bền vững, xanh, có trách nhiệm, coi trọng cân bằng giữa tăng trưởng khách và bảo tồn tài nguyên, văn hóa bản địa, môi trường. Các chuẩn mực và xu hướng quốc tế nhấn mạnh vấn đề giảm chất thải, tiết kiệm năng lượng, thúc đẩy năng lượng tái tạo trong hạ tầng điểm đến; quản trị điểm đến dựa trên dữ liệu và số hóa (thống kê khách, quản lý trải nghiệm, an toàn du lịch); du lịch cộng đồng như một mô hình tạo sinh kế, tăng khả năng “ở lại” của giá trị trong cộng đồng; yêu cầu ngày càng cao về vệ sinh môi trường, quản lý chất thải, cảnh quan và an toàn cho du khách.

Ở cấp độ khu vực, cạnh tranh điểm đến trong ASEAN và tiểu vùng Mekong ngày càng gay gắt, các địa phương đẩy mạnh chính sách hỗ trợ nhằm nâng chất lượng dịch vụ tại khu, điểm du lịch, đồng thời tạo câu chuyện điểm đến thông qua di sản, kiến trúc truyền thống và trải nghiệm văn hóa bản địa. Bên cạnh đó, hệ thống các giải thưởng du lịch quốc tế/khu vực và các chương trình vinh danh của tổ chức đã trở thành kênh định vị thương hiệu điểm đến hiệu quả, tác động trực tiếp đến khả năng thu hút thị trường, đặc biệt là phân khúc khách có mức chi tiêu cao. Vì vậy, nhiều địa phương trên thế giới và trong khu vực đều hình thành cơ chế hỗ trợ/hậu vinh danh để duy trì chất lượng sau khi đạt danh hiệu, tránh “đạt giải xong để đó”, đồng thời chuyển hóa danh hiệu thành giá trị kinh tế – xã hội bền vững.

Từ bối cảnh trên cho thấy, việc ban hành chính sách hỗ trợ phát triển du lịch của tỉnh theo nhóm nội dung hạ tầng thiết yếu – môi trường – bảo tồn văn hóa – chuyển đổi số, xúc tiến, quảng bá và phát huy danh hiệu là phù hợp với xu thế quốc tế/khu vực, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và tính bền vững của điểm đến.

- Bối cảnh trong nước liên quan đến các chính sách:

Về chính trị, định hướng phát triển, Đảng và Nhà nước xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, hướng tới phát triển bền vững, chuyên nghiệp, chất lượng cao, gắn với bảo tồn di sản, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và nâng cao đời sống nhân dân. Đồng thời, chủ trương lớn hiện nay nhấn mạnh chuyển đổi số, tăng

trường xanh, quản lý tài nguyên, môi trường và bảo đảm an ninh, an toàn xã hội trong phát triển du lịch. Những định hướng này đặt ra yêu cầu các địa phương cần có công cụ chính sách đủ mạnh để dẫn dắt, hỗ trợ khu, điểm du lịch phát triển đúng hướng, thay vì phát triển tự phát.

Về pháp lý, hệ thống pháp luật hiện hành đã tạo khuôn khổ cho phát triển du lịch, bảo vệ môi trường, đầu tư xây dựng, quản lý ngân sách và thúc đẩy chuyển đổi số. Tuy nhiên, trong thực tiễn địa phương, nhiều nội dung như: đầu tư hạ tầng phục vụ khách (đường dạo bộ, chiếu sáng), xây dựng điểm đón tiếp – cung cấp thông tin, quản lý rác thải, bảo tồn nhà truyền thống, hỗ trợ đội văn nghệ dân tộc, mua sắm thiết bị quản lý du lịch thông minh, phát huy giá trị giải thưởng... thường chưa có cơ chế hỗ trợ thống nhất, dẫn đến lúng túng trong tổ chức thực hiện, thiếu động lực xã hội hóa và khó tạo chuyển biến đồng bộ giữa các khu, điểm du lịch. Đặc biệt với thực thi công tác sáp nhập tỉnh đang thực hiện song song các văn bản quy phạm quy định các chính sách hỗ trợ phát triển của hai địa phương là Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND (*tỉnh Tuyên Quang trước sáp nhập tỉnh*) và Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND (*tỉnh Hà Giang trước sáp nhập tỉnh*), do đó chính sách không còn phù hợp, cần đánh giá thực trạng quan hệ xã hội của tỉnh về hoạt động du lịch để ban hành nghị quyết hỗ trợ chính sách mới, phù hợp với nhu cầu của địa phương trong tình hình mới.

Về kinh tế, xã hội, nhu cầu du lịch nội địa tăng, thị trường ngày càng yêu cầu cao về vệ sinh, an toàn, trải nghiệm, tiện nghi; trong khi nhiều khu, điểm du lịch cộng đồng của tỉnh do người dân trực tiếp tham gia cung ứng dịch vụ, nguồn lực hạn chế, khó tự đầu tư các hạng mục thiết yếu (môi trường, chiếu sáng, hạ tầng đi bộ, điểm đón tiếp, trang thiết bị biểu diễn, thiết bị quản lý số...). Nếu không có chính sách hỗ trợ, khoảng cách chất lượng giữa các khu, điểm du lịch sẽ gia tăng; kéo dài thời gian lưu trú, nâng mức chi tiêu của du khách bị hạn chế; đồng thời phát sinh rủi ro về môi trường, cảnh quan và an toàn du lịch.

Về du lịch của tỉnh, trong những năm qua, hoạt động du lịch tỉnh Tuyên Quang đã có bước phát triển tích cực, hình thành một số khu, điểm du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, sinh thái có sức hút đối với du khách trong và ngoài nước. Một số khu, điểm du lịch từng bước tham gia và đạt được các giải thưởng du lịch uy tín ở cấp quốc tế, khu vực và quốc gia, góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế điểm đến của tỉnh. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất và dịch vụ du lịch tại nhiều khu, điểm du lịch còn thiếu và chưa đồng bộ; công tác bảo tồn kiến trúc truyền thống, môi trường du lịch, tổ chức hoạt động văn hóa – văn nghệ, ứng dụng công nghệ trong quản lý du lịch còn gặp nhiều khó khăn. Đa số các khu, điểm du lịch, đặc biệt là du lịch cộng đồng, do người dân trực tiếp quản lý, khai thác, nguồn lực tài chính hạn chế, chưa đủ khả năng đầu tư đồng bộ để đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch bền vững và nâng cao chất lượng phục vụ du khách.

Hiện nay, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*tỉnh Tuyên Quang trước sáp nhập*); Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 15/7/2023 của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch đến năm 2028 trên địa bàn tỉnh Hà Giang (*tỉnh Hà Giang trước sáp nhập*). Hai Nghị quyết quy định hỗ trợ 14

chính sách hỗ trợ phát triển du lịch (*hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ tối thiểu cho nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê; hỗ trợ đội văn nghệ phục vụ du lịch tại các điểm du lịch cộng đồng; hỗ trợ sản xuất mẫu sản phẩm lưu niệm mới phục vụ du lịch; mua sắm thiết bị thu gom rác thải tại điểm du lịch cộng đồng; hỗ trợ lãi suất vay đầu tư, sửa chữa nhà truyền thống của dân tộc thiểu số; hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm dừng chân phục vụ khách du lịch; hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư xây dựng nhà hàng đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch; hỗ trợ lãi suất vay vốn mua, đóng mới tàu cao tốc, tàu chở khách du lịch; hỗ trợ lãi suất vay vốn ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành; hỗ trợ chi phí đào tạo nghiệp vụ du lịch; hỗ trợ trực tiếp cho các làng VHDL tiêu biểu được tỉnh công nhận; sách hỗ trợ xây dựng trạm dừng chân; chính sách hỗ trợ xây dựng sản phẩm du lịch mạo hiểm*). Như vậy, xét về toàn diện, nghị quyết quy định các chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên chưa thực sự đi vào cuộc sống, còn có hạn chế cần điều chỉnh, sửa đổi để phát huy mục tiêu của chính sách (*Có Báo cáo số 388/BC-SVHTTDL ngày 19/12/2025 tổng kết thực hiện Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND; Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 15/7/2023 gửi kèm theo*).

Từ các căn cứ chính trị, pháp lý, kinh tế xã hội nêu trên, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết, cấp bách, nhằm tháo gỡ khó khăn, huy động nguồn lực đầu tư, nâng cao chất lượng khu, điểm du lịch, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, môi trường, thúc đẩy chuyển đổi số và phát triển du lịch theo hướng bền vững, chuyên nghiệp và hiệu quả.

2. Mục tiêu xây dựng Nghị quyết

2.1. Mục tiêu tổng thể

Nhằm tạo cơ sở hỗ trợ kịp thời, thu hút đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh, phấn đấu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, qua đó góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, tăng thu ngân sách và thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế liên quan.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hoàn thiện hạ tầng du lịch thiết yếu tại các khu, điểm du lịch đã được công nhận, bảo đảm điều kiện tiếp cận, an toàn, vệ sinh môi trường và cảnh quan phục vụ du khách; Bảo tồn, gìn giữ và phát huy kiến trúc nhà truyền thống, giá trị văn hóa bản địa, gắn với phát triển du lịch cộng đồng và sinh kế bền vững cho người dân; Nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch, đa dạng hóa trải nghiệm, kéo dài thời gian lưu trú và tăng mức chi tiêu của du khách; Thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý và khai thác du lịch, chuẩn hóa công tác thống kê, theo dõi khách du lịch, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và hoạt động của khu, điểm du lịch;

- Tăng cường xúc tiến, quảng bá và phát huy giá trị các danh hiệu, giải thưởng du lịch, góp phần xây dựng, lan tỏa hình ảnh và thương hiệu du lịch của tỉnh trong nước và quốc tế; Tạo việc làm, tăng thu nhập cho cộng đồng địa phương, đặc biệt là phụ nữ và các nhóm yếu thế, bảo đảm bình đẳng giới trong phát triển du lịch; Nâng cao ý thức, trách nhiệm của cộng đồng trong bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa và tham gia quản lý, khai thác du lịch bền vững.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Hỗ trợ bảo tồn kiến trúc nhà truyền thống tại các khu, điểm du lịch

1.1. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1: Hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/01 mái nhà lợp lá cọ, cỏ tranh; tối đa 100 triệu đồng/01 mái nhà lợp ngói âm dương cho các tổ chức, cá nhân làm dịch vụ du lịch.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

+ Chính sách này không xung đột với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp theo quy định và không làm ảnh hưởng đến bộ máy nhà nước, phù hợp với quy định tại Luật Du lịch: Điểm b, c, d, e, khoản 4, Điều 5: Việc xây dựng chính sách trên cơ sở quan điểm, chủ trương của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần I, nhiệm kỳ 2025-2030 và Nghị quyết số -NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

+ Chính sách không làm phát sinh mâu thuẫn, chông chéo với hệ thống pháp luật hiện hành, phù hợp với các quy định của pháp luật về du lịch, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống và ngân sách nhà nước. Việc quy định mức hỗ trợ cụ thể theo loại mái truyền thống và phương thức hỗ trợ một lần sau khi hoàn thành, nghiệm thu sản phẩm bảo đảm rõ ràng, minh bạch, dễ áp dụng, không yêu cầu sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, chỉ cần hướng dẫn tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát theo quy định.

- *Tác động về kinh tế – xã hội*

+ Về kinh tế, chính sách góp phần giảm gánh nặng chi phí đầu tư ban đầu cho các tổ chức, cá nhân làm dịch vụ du lịch, đặc biệt là du lịch cộng đồng; khuyến khích người dân giữ gìn và sử dụng kiến trúc nhà truyền thống thay vì thay thế bằng vật liệu hiện đại. Việc bảo tồn mái nhà truyền thống giúp nâng cao chất lượng dịch vụ lưu trú, tăng sức hấp dẫn của sản phẩm du lịch, qua đó thu hút khách, kéo dài thời gian lưu trú và tăng thu nhập cho người dân. Tuy nhiên, chính sách phát sinh nhu cầu ngân sách nhà nước, song mức hỗ trợ được xác định có trọng tâm, hỗ trợ một lần, nên tác động tiêu cực đến cân đối ngân sách là không lớn.

Theo khảo sát, thống kê tình hình đầu tư phát triển dịch vụ tại các khu, điểm du lịch (*chủ yếu là điểm du lịch cộng đồng*) trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, toàn tỉnh có 172 khu, điểm du lịch, trong đó có 54 điểm du lịch cộng đồng; dự kiến đến năm 2030 có 70 điểm du lịch cộng đồng (*có 21 khu, điểm du lịch có kiến trúc nhà truyền thống lợp mái ngói âm dương, dự kiến hộ làm dịch vụ du lịch là 890 hộ; 49 khu, điểm du lịch có kiến trúc nhà truyền thống lợp mái lá cọ, cỏ tranh, dự kiến hộ làm dịch vụ du lịch là 975 hộ*), với trên 1.700 hộ gia đình tham gia phát triển dịch vụ du lịch như lưu trú, ăn uống, mua sắm, trải nghiệm. Dự kiến mức hỗ trợ của chính sách là 95 tỷ đồng, mức hỗ trợ là 50 triệu đồng/một mái nhà lợp lá cọ, cỏ tranh và 100 triệu đồng/một mái nhà lợp ngói âm dương. Căn cứ chi phí đầu tư ở thời điểm hiện tại cho đầu tư mái nhà lợp ngói âm dương là 154 triệu đồng, bao gồm đầu tư: Vì kèo + mè + lợp chống thấm + ngói + công; đầu tư mái nhà lợp lá cọ là 63 triệu đồng, bao gồm đầu tư: Lá cọ bên ngoài + hạt HDPE/tông mỏng + tre, gỗ bên trong + công, cụ thể Hỗ trợ 50 triệu đồng/01 mái nhà lá cọ, cỏ tranh (hỗ trợ

80% chi phí); số lượng hỗ trợ 900 cơ sở homestay, tổng kinh phí hỗ trợ là 45 tỷ đồng (năm 2026: 10 tỷ đồng; năm 2027: 15 tỷ đồng; năm 2028: 10 tỷ đồng; năm 2029: 05 tỷ đồng; năm 2030: 05 tỷ đồng); Hỗ trợ 100 triệu đồng/01 mái nhà lợp ngói âm dương (hỗ trợ 65% chi phí), số lượng hỗ trợ 500 cơ sở homestay, tổng kinh phí hỗ trợ là 50 tỷ đồng (năm 2026: 10 tỷ đồng; năm 2027: 10 tỷ đồng; năm 2028: 10 tỷ đồng; năm 2029: 10 tỷ đồng; năm 2030: 10 tỷ đồng). Trung bình hàng năm ngân sách tỉnh chi trên 19 tỷ đồng/năm

+ Về xã hội:

Chính sách có tác động tích cực trong việc bảo tồn bản sắc văn hóa kiến trúc truyền thống, giữ gìn cảnh quan và không gian văn hóa tại các khu, điểm du lịch; hạn chế bê tông hóa, duy trì không gian văn hóa bản địa và nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo tồn di sản. Huy động cộng đồng tham gia phát triển du lịch, tác động tích cực tới nhận thức về vai trò, vị trí, giá trị hoạt động du lịch mang lại. Từ đó cộng đồng tích cực khai thác, phát triển sản phẩm du lịch, sử dụng hợp lý và bảo vệ tối ưu các nguồn tài nguyên và môi trường du lịch góp phần tích cực vào việc bảo tồn các điểm du lịch. Tăng thêm mức độ đa dạng sinh học tại những điểm du lịch, bổ sung vẻ đẹp cảnh quan cho khu vực phát triển du lịch, hình thành cộng đồng du lịch phát triển bền vững. Thông qua hoạt động du lịch tại cộng đồng, người dân được giao lưu văn hóa, hiểu biết lẫn nhau làm gia tăng sự đoàn kết dân tộc. Phát triển, giới thiệu, quảng bá về văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp, âm nhạc, nghệ thuật, các món ăn truyền thống, quảng bá hình ảnh, môi trường và cảnh quan du lịch của địa phương.

Sự phát triển du lịch góp phần đáp ứng được nhu cầu tinh thần của người dân, tăng cường giao lưu, tiếp cận với cuộc sống hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống. Đẩy mạnh việc bảo tồn và giao lưu các truyền thống văn hóa lịch sử, góp phần quản lý bền vững các tài nguyên, bảo vệ các di sản ở địa phương. Tạo việc làm ảnh hưởng tích cực đến sự ổn định xã hội như: Giảm bớt việc thanh niên đi nơi khác tìm việc làm, tăng thu nhập của người dân địa phương qua việc cung cấp những sản phẩm thủ công mỹ nghệ, thổ cẩm, sản vật địa phương... cho khách du lịch.

- Tác động về giới: Chính sách không tạo ra sự phân biệt đối xử về giới, bảo đảm cơ hội tiếp cận bình đẳng cho cả nam và nữ là chủ thể sở hữu, quản lý, khai thác cơ sở dịch vụ du lịch. Việc hỗ trợ đầu tư cải thiện điều kiện cơ sở vật chất giúp nâng cao hiệu quả hoạt động du lịch hộ gia đình, trong đó phụ nữ thường tham gia trực tiếp vào các hoạt động lưu trú, phục vụ khách, qua đó góp phần cải thiện thu nhập, nâng cao vai trò và vị thế kinh tế của phụ nữ trong phát triển du lịch cộng đồng.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

b) Giải pháp 2: Hỗ trợ tối đa 63 triệu đồng/01 mái nhà lợp lá cọ, cỏ tranh; tối đa 150 triệu đồng/01 mái nhà lợp ngói âm dương cho các tổ chức, cá nhân làm dịch vụ du lịch.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Tác động chính sách như Giải pháp 1

- Tác động về kinh tế – xã hội:

+ Về kinh tế, chính sách góp phần giảm gánh nặng chi phí đầu tư ban đầu cho các tổ chức, cá nhân làm dịch vụ du lịch, đặc biệt là du lịch cộng đồng; khuyến khích người dân giữ gìn và sử dụng kiến trúc nhà truyền thống thay vì thay thế bằng vật liệu hiện đại. Việc bảo tồn mái nhà truyền thống giúp nâng cao chất lượng dịch vụ lưu trú, tăng sức hấp dẫn của sản phẩm du lịch, qua đó thu hút khách, kéo dài thời gian lưu trú và tăng thu nhập cho người dân. Tuy nhiên, chính sách phát sinh nhu cầu ngân sách nhà nước, song mức hỗ trợ được xác định có trọng tâm, hỗ trợ một lần, nên tác động mạnh hơn giải pháp 1 đến cân đối ngân sách là không lớn. Với đề xuất hỗ trợ chính sách mới mức hỗ trợ cao hơn (hỗ trợ 100% chi phí đầu tư), giải pháp 2 ước đến năm 2030 ngân sách tỉnh chỉ khoảng 106,5 tỷ, tăng 29,5 tỷ so với phương án 1; trung bình hàng năm ngân sách tỉnh phải chi hỗ trợ 213 tỷ đồng/năm. Như vậy, hàng năm ngân sách nhà nước sẽ khó khăn trong cân đối nguồn kinh phí hỗ trợ.

+ Về xã hội: Tác động tương tự Giải pháp 1

- Tác động về giới: Tác động tương tự giải pháp 1

- Tác động của thủ tục hành chính: Tác động tương tự Giải pháp 1

1.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

- Lựa chọn Giải pháp 1: Hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/01 mái nhà lợp lá cọ, cỏ tranh; tối đa 100 triệu đồng/01 mái nhà lợp ngói âm dương cho các tổ chức, cá nhân làm dịch vụ du lịch; hỗ trợ một lần sau khi hoàn thành đầu tư và nghiệm thu sản phẩm.

- Lý do lựa chọn Giải pháp 1:

+ Thứ nhất, Giải pháp 1 phù hợp hơn với khả năng cân đối ngân sách nhà nước, bảo đảm tính khả thi khi triển khai trên diện rộng tại nhiều khu, điểm du lịch, đặc biệt là du lịch cộng đồng; hạn chế áp lực chi ngân sách trong ngắn hạn so với phương án nâng mức hỗ trợ.

+ Thứ hai, mức hỗ trợ của Giải pháp 1 đã đáp ứng cơ bản nhu cầu khuyến khích và hỗ trợ người dân đầu tư bảo tồn mái nhà truyền thống, đồng thời khuyến khích yêu cầu các tổ chức, cá nhân chủ động đối ứng một phần kinh phí, qua đó nâng cao trách nhiệm trong đầu tư, sử dụng và bảo vệ công trình sau hỗ trợ.

+ Thứ ba, Giải pháp 1 bảo đảm tính công bằng và lan tỏa của chính sách, cho phép hỗ trợ được nhiều đối tượng hơn, góp phần giữ gìn đồng bộ cảnh quan, bản sắc kiến trúc truyền thống tại các khu, điểm du lịch, thay vì tập trung nguồn lực lớn cho số ít trường hợp.

+ Thứ tư, phương án này đạt được sự cân bằng giữa mục tiêu bảo tồn văn hóa và hiệu quả kinh tế – xã hội, vừa khuyến khích phát triển du lịch gắn với bản sắc, vừa bảo đảm quản lý, giám sát và nghiệm thu công trình thuận lợi, minh bạch.

Vì vậy, Giải pháp 1 là phương án hợp lý, khả thi và bền vững, đáp ứng yêu cầu bảo tồn kiến trúc truyền thống phục vụ du lịch, phù hợp điều kiện thực tiễn và mục tiêu phát triển du lịch của địa phương trong giai đoạn hiện nay.

2. Chính sách 2: Hỗ trợ bảo tồn hoạt động trải nghiệm bản sắc văn hóa tại khu, điểm du lịch

2.1. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1: Hỗ trợ tối đa 70 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch để mua sắm thiết bị, đạo cụ, nhạc cụ, trang phục, tăng âm loa đài cho đội văn nghệ dân tộc tại các khu, điểm du lịch.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Chính sách không làm phát sinh mâu thuẫn, chồng chéo với hệ thống pháp luật hiện hành, phù hợp với các quy định của pháp luật về du lịch, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước. Việc quy định mức hỗ trợ cụ thể, hỗ trợ một lần gắn với mục đích mua sắm trang thiết bị phục vụ biểu diễn văn nghệ dân tộc giúp bảo đảm rõ ràng, minh bạch, dễ tổ chức thực hiện, nghiệm thu và thanh quyết toán, không yêu cầu sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

- Chính sách này không xung đột với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp theo quy định và không làm ảnh hưởng đến bộ máy nhà nước, phù hợp với quy định tại Luật Du lịch: Điểm b, c, d, e, khoản 4, Điều 5: Việc xây dựng chính sách trên cơ sở quan điểm, chủ trương của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần I, nhiệm kỳ 2025-2030 và Nghị quyết số -NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

- Tác động về kinh tế – xã hội:

+ Về kinh tế, chính sách giúp các khu, điểm du lịch giảm chi phí đầu tư ban đầu cho hoạt động văn nghệ phục vụ du lịch; tạo điều kiện nâng cao chất lượng biểu diễn, qua đó tăng sức hấp dẫn của sản phẩm du lịch văn hóa, góp phần thu hút khách, kéo dài thời gian lưu trú và tăng chi tiêu. Việc đầu tư một lần vào thiết bị, đạo cụ, nhạc cụ và hệ thống âm thanh có hiệu quả sử dụng lâu dài, nâng cao hiệu quả chi ngân sách.

Theo khảo sát, thống kê tình hình đầu tư phát triển các điểm du lịch cộng đồng đang hoạt động trên địa bàn tỉnh, với nhu cầu phát triển các đội văn nghệ truyền thống. Theo tính toán chi phí, một đội văn nghệ cần đầu tư để chế tác, mua sắm đạo cụ, nhạc cụ, trang phục tập luyện, biểu diễn văn nghệ biểu diễn đáp ứng nhu cầu phục vụ khách du lịch, khoảng 88,5 triệu đồng, cụ thể chi phí: loa, mic, âm ly, dây, phụ kiện: 42 triệu; nhạc cụ truyền thống (đàn ính, khèn, sáo...): 06 triệu đồng; trang phục nữ, nam, giày: 13 triệu; ... Trong giai đoạn 2026-2030, theo đánh giá, định hướng phát triển các điểm du lịch cộng đồng trên địa bàn toàn tỉnh, có khoảng 70 điểm du lịch cộng đồng với khoảng 70 đội văn nghệ truyền thống tại các điểm du lịch cộng đồng (trong đó có 12 đội đã được nhận hỗ trợ từ Nghị quyết số 09). Căn cứ nhu cầu đầu tư của các đội văn nghệ, dự kiến số tiền ngân sách nhà nước chi giai đoạn 2026-2030 là 3,5 tỷ đồng, hỗ trợ cho 50 đội văn nghệ (*hỗ trợ 79% chi phí thực tế*), trong đó năm 2026: 700 triệu đồng; năm 2027: 700 triệu đồng; năm 2028: 700 triệu đồng; năm 2029: 700 triệu đồng; năm 2030: 700 triệu đồng. Trung bình hàng năm ngân sách tỉnh chi trên 700 triệu đồng/năm.

+ Về xã hội:

Chính sách có tác động tích cực trong việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa nghệ thuật truyền thống của các dân tộc, duy trì không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng gắn với du lịch. Đồng thời, chính sách khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương, nâng cao ý thức giữ gìn bản sắc, tăng cường giao lưu văn hóa giữa cộng đồng và du khách, góp phần xây dựng hình ảnh điểm đến văn minh, giàu bản sắc.

Hoạt động văn nghệ nâng cao sức hấp dẫn thu hút khách đến với các điểm du lịch, thúc đẩy du lịch cộng đồng phát triển mạnh góp phần bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người về dân ca, dân vũ, văn hóa, văn nghệ, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân, đồng thời tạo việc làm, tăng thu nhập, thúc đẩy giao lưu văn hóa vùng miền ngày càng phát triển.

Thông qua hoạt động biểu diễn văn nghệ, người dân được giao lưu văn hóa, hiểu biết lẫn nhau làm gia tăng sự đoàn kết dân tộc. Phát triển, giới thiệu, quảng bá về văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp, âm nhạc, nghệ thuật của địa phương.

Tạo việc làm ảnh hưởng tích cực đến sự ổn định xã hội như: Giảm bớt việc thanh niên đi nơi khác tìm việc làm, tăng thu nhập của người dân địa phương qua việc cung cấp những dịch vụ du lịch... cho khách du lịch.

-Tác động về giới:

Chính sách không tạo ra sự phân biệt đối xử về giới, bảo đảm cơ hội tiếp cận bình đẳng cho cả nam và nữ trong tham gia đội văn nghệ dân tộc. Việc đầu tư trang phục, đạo cụ và nhạc cụ truyền thống tạo điều kiện thuận lợi để phụ nữ tham gia biểu diễn, truyền dạy văn hóa, qua đó nâng cao vai trò, vị thế và cơ hội tạo thu nhập của phụ nữ trong phát triển du lịch cộng đồng.

- Tác động thủ tục hành chính: Không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

b) Giải pháp 2: Hỗ trợ thường xuyên theo số buổi biểu diễn/năm phục vụ khách du lịch cho đội văn nghệ dân tộc tại các khu, điểm du lịch.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Giải pháp hỗ trợ thường xuyên theo số buổi biểu diễn/năm không mâu thuẫn với hệ thống pháp luật hiện hành, phù hợp với các quy định về ngân sách nhà nước và hỗ trợ hoạt động văn hóa – du lịch. Tuy nhiên, do mang tính chỉ thường xuyên, giải pháp này đòi hỏi quy định chi tiết, chặt chẽ hơn về tiêu chí xác định số buổi biểu diễn, quy trình xác nhận, thanh toán và quyết toán, nếu không sẽ dễ phát sinh khó khăn trong quản lý, giám sát và nguy cơ chồng chéo với các khoản chi hỗ trợ khác.

- Tác động về kinh tế – xã hội:

+ Về kinh tế, giải pháp tạo nguồn thu nhập thường xuyên cho các đội văn nghệ dân tộc, góp phần khuyến khích duy trì hoạt động biểu diễn phục vụ du lịch. Tuy nhiên, việc hỗ trợ gắn với số buổi biểu diễn làm phát sinh chi ngân sách hằng năm, khó dự báo và kiểm soát tổng mức chi; đồng thời có nguy cơ chạy theo số lượng buổi biểu diễn, làm giảm hiệu quả sử dụng ngân sách và tính bền vững của hoạt động hỗ trợ.

+ Về xã hội, giải pháp giúp duy trì hoạt động biểu diễn thường xuyên, tăng tần suất phục vụ khách du lịch; song áp lực biểu diễn liên tục có thể ảnh hưởng đến

chất lượng nghệ thuật, tính nguyên bản của văn hóa truyền thống và dễ hình thức hóa hoạt động văn nghệ, làm giảm giá trị văn hóa lâu dài.

- Tác động về giới:

Giải pháp không tạo ra sự phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội tham gia biểu diễn và tạo thu nhập cho cả nam và nữ. Tuy nhiên, do thu nhập phụ thuộc vào số buổi biểu diễn và nguồn ngân sách hằng năm, tính ổn định việc làm và thu nhập của lao động nữ chưa cao, khó bảo đảm vai trò bền vững của phụ nữ trong hoạt động văn nghệ gắn với du lịch.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không có

2.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

- Lựa chọn Giải pháp 1: Hỗ trợ tối đa 70 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch để mua sắm thiết bị, đạo cụ, nhạc cụ, trang phục, tăng âm loa đài cho đội văn nghệ dân tộc tại các khu, điểm du lịch.

- Lý do lựa chọn Giải pháp 1:

+ Thứ nhất, Giải pháp 1 phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước, thực hiện hỗ trợ một lần, không làm phát sinh chi thường xuyên, giúp chủ động kiểm soát tổng mức chi và bảo đảm tính khả thi khi triển khai trên diện rộng.

+ Thứ hai, việc đầu tư trang thiết bị, đạo cụ, nhạc cụ và hệ thống âm thanh tạo nền tảng lâu dài cho hoạt động biểu diễn văn nghệ dân tộc, nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp, tránh tình trạng chạy theo số lượng buổi biểu diễn.

+ Thứ ba, Giải pháp 1 dễ tổ chức thực hiện, quản lý, nghiệm thu và thanh quyết toán, hạn chế rủi ro trong giám sát so với hình thức hỗ trợ thường xuyên theo số buổi biểu diễn.

+ Thứ tư, phương án này góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch bền vững, khuyến khích sự tham gia chủ động của cộng đồng, nâng cao hiệu quả xã hội và văn hóa của chính sách.

Vì vậy, Giải pháp 1 là phương án hợp lý, khả thi và bền vững, đáp ứng tốt mục tiêu bảo tồn văn hóa dân tộc, nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch và hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Chính sách 3: Hỗ trợ đầu tư đường giao thông dạo bộ tại khu, điểm du lịch

3.1 Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1: Hỗ trợ tối đa 600 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch đầu tư hệ thống đường giao thông dạo bộ (*đường nhỏ dành cho người đi bộ*) tại khu, điểm du lịch.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Chính sách hỗ trợ đầu tư đường giao thông dạo bộ tại khu, điểm du lịch không làm phát sinh mâu thuẫn, chồng chéo với hệ thống pháp luật hiện hành. Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp theo quy định và không làm ảnh hưởng đến bộ máy nhà nước, phù hợp với quy định tại Luật Du lịch: Khoản 2, Điều 5; điểm d, khoản 4, Điều 5; khoản 2, Điều 19. Việc xây dựng chính sách trên cơ sở quan điểm, chủ trương của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần I, nhiệm kỳ

2025-2030 và Nghị quyết số -NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa I) về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

- Tác động về kinh tế – xã hội:

+ Về kinh tế, chính sách góp phần hoàn thiện hạ tầng du lịch, nâng cao khả năng tiếp cận và tổ chức không gian tham quan tại khu, điểm du lịch; qua đó tăng sức hấp dẫn của điểm đến, kéo dài thời gian lưu trú và tăng chi tiêu của du khách. Việc đầu tư đường dạo bộ giúp kết nối các điểm dịch vụ, trải nghiệm, nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên du lịch, thúc đẩy hoạt động kinh doanh của cộng đồng địa phương và tăng thu nhập cho người dân. Tuy nhiên, chính sách phát sinh nhu cầu chi ngân sách nhà nước tương đối lớn, đòi hỏi lựa chọn khu, điểm du lịch ưu tiên và quản lý chặt chẽ để bảo đảm hiệu quả đầu tư.

Theo khảo sát, thống kê tình hình đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh có trên 200 khu, điểm du lịch, trong đó có khoảng 70 khu, điểm du lịch được công nhận. Đây là khu, điểm du lịch cần chú trọng ưu tiên, hỗ trợ đầu tư hạ tầng giao thông dạo bộ trong khu, điểm du lịch. Dự kiến, trung bình sẽ hỗ trợ đầu tư mỗi khu, điểm du lịch 500m, diện tích mặt đường 500m², chi phí đầu tư khoảng 667 triệu đồng/khu, điểm du lịch. Trong giai đoạn 2026-2030, dự kiến đầu tư hạ tầng giao thông đường dạo bộ là 50 khu, điểm, dự kiến mức hỗ trợ 600 triệu đồng/khu, điểm, với số tiền ngân sách nhà nước chi giai đoạn 2026-2030 là 30 tỷ đồng (*hỗ trợ 90% chi phí thực tế*), trong đó năm 2026: 4,2 tỷ đồng; năm 2027: 9 tỷ đồng; năm 2028: 9 tỷ đồng; năm 2029: 4,2 tỷ đồng; năm 2030: 3,6 tỷ đồng. Trung bình hàng năm ngân sách tỉnh chi trên 133 tỷ đồng/năm.

+ Về xã hội, chính sách hỗ trợ đầu tư hệ thống đường giao thông dạo bộ tại khu, điểm du lịch góp phần nâng cao chất lượng môi trường sống và sinh hoạt của cộng đồng dân cư địa phương, cải thiện điều kiện đi lại an toàn, thuận tiện cho người dân và du khách, tăng chất lượng sản phẩm tại điểm du lịch. Việc hình thành không gian đi bộ tạo điều kiện tăng cường giao lưu văn hóa – xã hội giữa cộng đồng và du khách, nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ cảnh quan, trật tự và văn minh du lịch. Đồng thời, chính sách góp phần tạo việc làm, ổn định sinh kế tại chỗ, thúc đẩy sự tham gia chủ động của cộng đồng trong hoạt động du lịch, qua đó củng cố sự đồng thuận xã hội và phát triển du lịch theo hướng bền vững.

- Tác động về giới:

Chính sách không tạo ra sự phân biệt đối xử về giới, bảo đảm mọi đối tượng đều được hưởng lợi từ hạ tầng du lịch được cải thiện. Việc đầu tư đường giao thông dạo bộ giúp nâng cao mức độ an toàn, thuận tiện trong đi lại, tạo điều kiện để phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi và người khuyết tật tham gia và hưởng lợi nhiều hơn từ hoạt động du lịch. Đồng thời, hạ tầng được cải thiện góp phần mở rộng cơ hội việc làm, tăng thu nhập cho lao động nữ trong các hoạt động dịch vụ du lịch tại khu, điểm du lịch.

- Tác động thủ tục hành chính: Không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

b) Giải pháp 2: Hỗ trợ tối đa 660 triệu đồng/ 01khu, điểm du lịch đầu tư hệ thống đường giao thông dạo bộ (đường nhỏ dành cho người đi bộ) tại khu, điểm du lịch.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Tác động chính sách như Giải pháp 1
- Tác động về kinh tế – xã hội

+ Về kinh tế, chính sách phát sinh nguồn ngân sách nhà nước lớn. Thực hiện chính sách với mức hỗ trợ cao hơn (hỗ trợ 100% chi phí đầu tư), Giải pháp 2 ước đến năm 2030 ngân sách tỉnh chỉ khoảng 33,350 tỷ, tăng 3 tỷ so với phương án 1; trung bình hàng năm ngân sách tỉnh phải chi hỗ trợ 66 tỷ đồng/năm. Như vậy, hàng năm ngân sách nhà nước sẽ khó khăn trong cân đối nguồn kinh phí hỗ trợ.

- + Về xã hội: Tác động tương tự Giải pháp 1
- Tác động về giới: Tác động tương tự Giải pháp 1
- Tác động của thủ tục hành chính: Tác động tương tự Giải pháp 1

3.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

- Lựa chọn Giải pháp 1: Hỗ trợ tối đa 600 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch để đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông đạo bộ tại khu, điểm du lịch.

- Lý do lựa chọn Giải pháp 1:

+ Thứ nhất, Giải pháp 1 phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước, bảo đảm tính khả thi khi triển khai trên diện rộng tại nhiều khu, điểm du lịch; tránh dồn nguồn lực quá lớn cho một công trình, một điểm đến.

+ Thứ hai, mức hỗ trợ 600 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch đủ để đầu tư các hạng mục đường đạo bộ cơ bản, thiết yếu, đáp ứng yêu cầu an toàn, thuận tiện cho du khách, đồng thời khuyến khích địa phương và cộng đồng chủ động lồng ghép, huy động thêm các nguồn lực hợp pháp khác để hoàn thiện công trình.

+ Thứ ba, Giải pháp 1 bảo đảm tính công bằng và lan tỏa của chính sách, cho phép hỗ trợ được nhiều khu, điểm du lịch hơn, qua đó nâng cao hiệu quả tổng thể của đầu tư hạ tầng du lịch, góp phần đồng bộ hóa hệ thống khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh.

Vì vậy, Giải pháp 1 là phương án hợp lý, khả thi và bền vững, bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu hoàn thiện hạ tầng du lịch, hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước và lợi ích kinh tế – xã hội trên phạm vi toàn tỉnh.

4. Chính sách 4: Hỗ trợ lắp đặt hệ thống đèn điện chiếu sáng năng lượng mặt trời tại khu, điểm du lịch

4.1. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1: Hỗ trợ tối đa 250 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch lắp đặt hệ thống đèn, điện chiếu sáng năng lượng mặt trời tại khu, điểm du lịch.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Chính sách hỗ trợ đầu tư đường giao thông đạo bộ tại khu, điểm du lịch không làm phát sinh mâu thuẫn, chòng chéo với hệ thống pháp luật hiện hành. Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp theo quy định và không làm ảnh hưởng đến bộ máy nhà nước, phù hợp với quy định tại Luật Du lịch: Khoản 2, Điều 5; điểm d, khoản 4, Điều 5; khoản 2, Điều 19. Việc xây dựng chính sách trên cơ sở quan điểm, chủ trương của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần I, nhiệm kỳ

2025-2030 và Nghị quyết số -NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa I) về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh

- Tác động về kinh tế – xã hội:

+ Về kinh tế, chính sách góp phần giảm chi phí đầu tư và chi phí vận hành lâu dài cho các khu, điểm du lịch, nhất là tại các khu vực khó tiếp cận điện lưới; đồng thời nâng cao khả năng khai thác không gian và thời gian hoạt động du lịch, tạo điều kiện phát triển các hoạt động dịch vụ ban đêm, qua đó tăng doanh thu du lịch và thu nhập của người dân.

Đối với Nhà nước sẽ phát sinh chi phí thực hiện chính sách. Theo khảo sát, thống kê tình hình đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh có trên 200 khu, điểm du lịch, trong đó có khoảng 70 khu, điểm du lịch được công nhận. Đây là khu, điểm du lịch cần chú trọng ưu tiên, hỗ trợ đầu tư lắp đặt hệ thống đèn điện chiếu sáng năng lượng mặt trời tại khu, điểm du lịch. Dự kiến, trung bình sẽ hỗ trợ đầu tư mỗi khu, điểm du lịch 30 bóng đèn, 30 cột đèn, chi phí đầu tư khoảng 275,5 triệu đồng/khu, điểm du lịch. Trong giai đoạn 2026-2030, dự kiến hỗ trợ đầu tư là 50 khu, điểm, dự kiến số tiền ngân sách nhà nước chi giai đoạn 2026-2030 là 12,5 tỷ đồng (hỗ trợ 91% chi phí thực tế), trong đó năm 2026: 1,750 tỷ đồng; năm 2027: 3,750 tỷ đồng; năm 2028: 3,37 tỷ đồng; năm 2029: 1,750 tỷ đồng; năm 2030: 1,5 tỷ đồng. Trung bình hàng năm ngân sách tỉnh chi trên 133 tỷ đồng/năm.

+ Về xã hội, việc lắp đặt hệ thống chiếu sáng góp phần bảo đảm an toàn cho du khách và cộng đồng, hạn chế tai nạn, mất an ninh trật tự vào ban đêm; đồng thời cải thiện cảnh quan, hình ảnh điểm đến, nâng cao mức độ hài lòng của du khách. Việc sử dụng năng lượng sạch còn góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường và phát triển du lịch xanh.

- Tác động về giới:

Chính sách không tạo ra sự phân biệt đối xử về giới, bảo đảm mọi đối tượng trong cộng đồng đều được hưởng lợi từ hệ thống chiếu sáng được đầu tư. Việc cải thiện điều kiện an toàn, thuận tiện vào ban đêm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho phụ nữ, trẻ em và người cao tuổi tham gia các hoạt động du lịch, dịch vụ và sinh hoạt cộng đồng. Đồng thời, chính sách góp phần mở rộng cơ hội việc làm, tăng thu nhập cho lao động nữ trong các hoạt động dịch vụ du lịch tại khu, điểm du lịch.

- Tác động thủ tục hành chính: Không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

b) Giải pháp 2: Không đề xuất chính sách hỗ trợ.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Giải pháp không đề xuất chính sách không làm phát sinh nghĩa vụ chi ngân sách nhà nước, không yêu cầu ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, phương án này chưa cụ thể hóa đầy đủ các chủ trương, định hướng của Nhà nước về phát triển du lịch xanh, sử dụng năng lượng tái tạo và bảo đảm an toàn tại khu, điểm du lịch, làm giảm hiệu quả thực thi chính sách ở cấp địa phương.

- Tác động về kinh tế – xã hội:

+ Về kinh tế, việc không có chính sách hỗ trợ khiến nhiều khu, điểm du lịch, đặc biệt là du lịch cộng đồng ở vùng khó khăn, không đủ nguồn lực đầu tư hệ

thông chiếu sáng, làm hạn chế khả năng khai thác hoạt động du lịch về đêm, giảm thời gian lưu trú và mức chi tiêu của du khách, từ đó ảnh hưởng đến doanh thu và thu nhập của người dân.

Đối với Nhà nước không phát sinh chi phí thực hiện chính sách.

+ Về xã hội, thiếu hệ thống chiếu sáng đồng bộ có thể gia tăng nguy cơ mất an toàn, tai nạn và mất an ninh trật tự vào ban đêm; ảnh hưởng đến trải nghiệm của du khách và hình ảnh điểm đến. Đồng thời, việc chậm triển khai giải pháp chiếu sáng thân thiện môi trường làm giảm sự đồng thuận và tham gia của cộng đồng trong định hướng phát triển du lịch xanh, bền vững.

- Tác động về giới: Giải pháp không hỗ trợ không tạo ra tác động tích cực về giới; trong khi đó, điều kiện chiếu sáng không bảo đảm vào ban đêm ảnh hưởng nhiều hơn đến phụ nữ, trẻ em và người cao tuổi, hạn chế khả năng tham gia các hoạt động du lịch, dịch vụ và sinh hoạt cộng đồng. Việc thiếu đầu tư cũng giảm cơ hội việc làm và thu nhập của lao động nữ trong các hoạt động dịch vụ du lịch ban đêm.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính.

4.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

- Lựa chọn Giải pháp 1: Hỗ trợ lắp đặt hệ thống đèn, điện chiếu sáng năng lượng mặt trời tại các khu, điểm du lịch, với mức hỗ trợ tối đa không quá 250 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch.

- Lý do lựa chọn giải pháp

+ Thứ nhất, giải pháp hỗ trợ trực tiếp giải quyết các vấn đề cấp thiết về an toàn, hạ tầng và chất lượng dịch vụ du lịch, đặc biệt tại các khu, điểm du lịch nằm xa khu dân cư, khó tiếp cận điện lưới.

+ Thứ hai, việc sử dụng năng lượng mặt trời phù hợp với định hướng phát triển du lịch xanh, bền vững, góp phần giảm chi phí vận hành lâu dài, bảo vệ môi trường và nâng cao hình ảnh điểm đến.

+ Thứ ba, mức hỗ trợ tối đa được khống chế giúp kiểm soát chi ngân sách nhà nước, bảo đảm tính khả thi khi triển khai trên diện rộng, đồng thời khuyến khích các khu, điểm du lịch chủ động huy động thêm các nguồn lực hợp pháp khác để hoàn thiện hệ thống chiếu sáng.

+ Thứ tư, so với phương án không đề xuất chính sách, giải pháp hỗ trợ mang lại hiệu quả kinh tế – xã hội và tác động về giới rõ rệt hơn, đồng thời dễ tổ chức thực hiện, quản lý, giám sát và quyết toán, không làm phát sinh vướng mắc pháp lý.

Vì vậy, Giải pháp 1 là phương án hợp lý, khả thi và bền vững, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng hạ tầng, bảo đảm an toàn và phát triển du lịch theo hướng xanh tại các khu, điểm du lịch.

5. Chính sách 5: Hỗ trợ xây dựng hệ thống thu gom rác thải sinh hoạt tại các khu, điểm du lịch cộng đồng

5.1. Chính sách tác động

a) Giải pháp 1: Hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch đầu tư xây dựng hệ thống thu gom rác thải tại các khu, điểm du lịch cộng đồng.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Chính sách này không xung đột với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp theo quy định và không làm ảnh hưởng đến bộ máy nhà nước, phù hợp với quy định tại Luật Du lịch: *điểm a, khoản 4, Điều 5; khoản 2, Điều 19*. Việc xây dựng chính sách trên cơ sở quan điểm, chủ trương của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và Nghị quyết số -NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa I) về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

Việc quy định mức hỗ trợ cụ thể (300 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch) giúp dễ tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và quyết toán, không yêu cầu sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật; chủ yếu cần hướng dẫn kỹ thuật và phân công trách nhiệm quản lý, vận hành sau đầu tư theo quy định.

- Tác động về kinh tế – xã hội:

+ Về kinh tế, chính sách góp phần cải thiện chất lượng môi trường và hình ảnh điểm đến, qua đó tăng sức hấp dẫn du lịch, kéo dài thời gian lưu trú và mức chi tiêu của du khách, thúc đẩy doanh thu của các cơ sở dịch vụ và tăng thu nhập cho cộng đồng địa phương. Đầu tư hệ thống thu gom rác thải giúp giảm chi phí khắc phục ô nhiễm về lâu dài, nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên du lịch; tuy nhiên, chính sách phát sinh chi ngân sách ban đầu và chi phí vận hành, duy tu, cần cơ chế quản lý phù hợp để bảo đảm hiệu quả bền vững.

Các điểm du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đáp ứng tiêu chí xanh, sạch, đẹp, góp phần xây dựng hình ảnh, chất lượng, thương hiệu sản phẩm du lịch cộng đồng của tỉnh, thúc đẩy hoạt động du lịch của tỉnh phát triển, nâng cao số lượng khách du lịch, tạo nguồn thu, tăng thu nhập cho cộng đồng, đóng góp vào ngân sách nhà nước.

Theo khảo sát, thống kê tình hình đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh có khoảng trên 70 khu, điểm du lịch cộng đồng, dự báo đến năm 2023 có 50 điểm được công nhận. Đây là khu, điểm du lịch cần hỗ trợ xây dựng hệ thống thu gom rác thải sinh hoạt tại các khu, điểm du lịch cộng đồng. Dự kiến, giai đoạn 2026-2030, hỗ trợ đầu tư là 50 khu, điểm cộng đồng, số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ 250 tỷ đồng (hỗ trợ 65% chi phí thực tế), trong đó năm 2026: 2,1 tỷ đồng; năm 2027: 4,5 tỷ đồng; năm 2028: 4,5 tỷ đồng; năm 2029: 2,1 tỷ đồng; năm 2030: 1,8 tỷ đồng. Trung bình hàng năm ngân sách tỉnh chi trên 60 tỷ đồng/năm.

+ Về xã hội, chính sách góp phần cải thiện rõ rệt môi trường sống và sinh hoạt của cộng đồng dân cư, bảo đảm vệ sinh, sức khỏe cho người dân và du khách. Việc hình thành hệ thống thu gom rác thải đồng bộ giúp nâng cao ý thức, thay đổi hành vi của cộng đồng trong phân loại, thu gom và bảo vệ môi trường, tăng cường trách nhiệm và sự tham gia của người dân vào quản lý khu, điểm du lịch. Đồng thời, chính sách góp phần xây dựng hình ảnh du lịch văn minh, thân thiện, thúc đẩy sự gắn kết cộng đồng, tạo việc làm tại chỗ và tăng cường đồng thuận xã hội trong phát triển du lịch cộng đồng bền vững.

- Tác động về giới: Chính sách không tạo ra sự phân biệt đối xử về giới, mọi đối tượng trong cộng đồng đều được hưởng lợi từ môi trường du lịch được cải thiện. Việc giảm ô nhiễm và cải thiện điều kiện vệ sinh giảm gánh nặng lao động

gia đình và chăm sóc sức khỏe, những công việc thường do phụ nữ đảm nhiệm; đồng thời mở rộng cơ hội việc làm, tăng thu nhập cho lao động nữ trong các hoạt động dịch vụ du lịch và vệ sinh môi trường tại khu, điểm du lịch cộng đồng.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính.

a) Giải pháp 2: Hỗ trợ tối đa 460 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch đầu tư xây dựng hệ thống thu gom rác thải tại các khu, điểm du lịch cộng đồng.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Tương tự như Giải pháp 1

- Tác động về kinh tế – xã hội:

+ Về kinh tế, mức hỗ trợ cao giúp bảo đảm đầu tư hệ thống thu gom rác thải đồng bộ, quy mô và chất lượng tốt hơn, đáp ứng yêu cầu thực tế tại các khu, điểm du lịch cộng đồng có lượng khách lớn. Việc cải thiện mạnh mẽ môi trường du lịch góp phần nâng cao hình ảnh điểm đến, tăng sức hấp dẫn du lịch, kéo dài thời gian lưu trú và tăng mức chi tiêu của du khách, qua đó tăng doanh thu và thu nhập cho cộng đồng địa phương. Tuy nhiên, giải pháp này làm gia tăng nhu cầu chi ngân sách nhà nước, nếu triển khai diện rộng có thể giảm khả năng hỗ trợ cho nhiều khu, điểm du lịch khác, ảnh hưởng đến tính lan tỏa chung của chính sách.

Đối với Nhà nước sẽ phát sinh chi phí thực hiện chính sách: Thực hiện chính sách với mức hỗ trợ cao hơn (hỗ trợ 100% chi phí đầu tư), Giải pháp 2 ước đến năm 2030 ngân sách tỉnh chi khoảng 460 tỷ, tăng 8 tỷ so với Giải pháp 1; trung bình hàng năm ngân sách tỉnh phải chi hỗ trợ 460 tỷ đồng/năm. Như vậy, hàng năm ngân sách nhà nước sẽ khó khăn trong cân đối nguồn kinh phí hỗ trợ.

+ Về xã hội, giải pháp mang lại tác động tích cực rõ rệt trong việc bảo đảm vệ sinh môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và du khách, cải thiện cảnh quan và văn minh du lịch tại các khu, điểm du lịch cộng đồng. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, quy mô đầu tư lớn có thể kéo dài thời gian chuẩn bị và thi công, ảnh hưởng tạm thời đến sinh hoạt của người dân và hoạt động du lịch nếu không có kế hoạch tổ chức phù hợp.

- Tác động về giới: Tương tự như Giải pháp 1

- Tác động của thủ tục hành chính: Tương tự như Giải pháp 1

5.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

- Lựa chọn Giải pháp 1: Hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch để đầu tư xây dựng hệ thống thu gom rác thải sinh hoạt tại các khu, điểm du lịch cộng đồng.

- Lý do lựa chọn giải pháp:

+ Thứ nhất, Giải pháp 1 phù hợp hơn với khả năng cân đối ngân sách nhà nước, bảo đảm tính khả thi khi triển khai trên diện rộng tại nhiều khu, điểm du lịch cộng đồng, đặc biệt ở vùng khó khăn.

+ Thứ hai, mức hỗ trợ 300 triệu đồng đáp ứng yêu cầu đầu tư các hạng mục thu gom rác thải thiết yếu, cơ bản, đủ để giải quyết vấn đề vệ sinh môi trường, đồng thời khuyến khích địa phương và cộng đồng chủ động lồng ghép, huy động thêm các nguồn lực hợp pháp khác để hoàn thiện hệ thống.

+ Thứ ba, Giải pháp 1 bảo đảm tính công bằng và lan tỏa của chính sách, cho phép nhiều khu, điểm du lịch cộng đồng được tiếp cận hỗ trợ, qua đó nâng cao hiệu quả tổng thể về môi trường, xã hội và hình ảnh du lịch của tỉnh, thay vì tập trung nguồn lực lớn cho số ít khu, điểm.

Vì vậy, Giải pháp 1 là phương án hợp lý, khả thi và bền vững, đáp ứng yêu cầu bảo đảm vệ sinh môi trường, nâng cao chất lượng điểm đến du lịch cộng đồng, đồng thời sử dụng hiệu quả và tiết kiệm ngân sách nhà nước.

6. Chính sách 6: Hỗ trợ Xây dựng nhà vệ sinh công cộng; nhà điểm đón tiếp, trưng bày giới thiệu sản phẩm, hàng hóa đặc sản địa phương, cung cấp thông tin du lịch tại khu, điểm du lịch

6.1. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1: Hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/nhà vệ sinh/ 01khu, điểm du lịch; tối đa 300 triệu đồng/ nhà đón tiếp/ 01khu, điểm du lịch để đầu tư xây dựng nhà vệ sinh công cộng; nhà điểm đón tiếp, trưng bày giới thiệu sản phẩm, hàng hóa đặc sản địa phương, cung cấp thông tin du lịch tại khu, điểm du lịch

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Chính sách phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành, không làm phát sinh mâu thuẫn, chồng chéo với các quy định về du lịch, đầu tư công, ngân sách nhà nước, xây dựng và quản lý tài sản công. Việc hỗ trợ xây dựng nhà điểm đón tiếp, trưng bày và cung cấp thông tin du lịch góp phần cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Nhà nước về phát triển du lịch cộng đồng, xúc tiến quảng bá du lịch gắn với phát triển sản phẩm địa phương; phù hợp với quy định tại Luật Du lịch: Khoản 2, Điều 5; *điểm d, khoản 4, Điều 5; khoản 2, Điều 19*. Việc xây dựng chính sách trên cơ sở quan điểm, chủ trương của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và Nghị quyết số -NQ/TU ngày của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa I) về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

- Tác động về kinh tế – xã hội:

+ Về kinh tế, chính sách góp phần hoàn thiện hạ tầng phục vụ du lịch, nâng cao chất lượng đón tiếp và cung cấp thông tin cho du khách, từ đó kéo dài thời gian lưu trú, tăng mức chi tiêu cho các dịch vụ ăn uống, lưu trú và mua sắm. Việc hình thành không gian trưng bày tập trung giúp đẩy mạnh quảng bá, tiêu thụ sản phẩm đặc sản địa phương, sản phẩm OCOP, mở rộng đầu ra cho hàng hóa, tăng thu nhập và tạo thêm việc làm cho người dân tại khu, điểm du lịch.

Đối với Nhà nước sẽ phát sinh chi phí thực hiện chính sách: Dự báo đến năm 2023 có 70 khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh được công nhận, trong đó có 15 điểm đã có nhà điểm đón tiếp, trưng bày giới thiệu sản phẩm. Vì vậy, dự kiến, giai đoạn 2026-2030, hỗ trợ đầu tư là 50 khu, điểm du lịch, với hỗ trợ 30 tỷ đồng (*hỗ trợ 55% chi phí thực tế*), trong đó năm 2026: 4,2 tỷ đồng; năm 2027: 09 tỷ triệu đồng; năm 2028: 09 tỷ triệu đồng; năm 2029: 4,2 tỷ đồng; năm 2030: 3,6 tỷ đồng. Trung bình hàng năm ngân sách tỉnh chi trên 6 tỷ đồng/năm+ Về xã hội, chính sách có tác động tích cực trong việc nâng cao tính chuyên nghiệp, văn minh trong hoạt động du lịch, tạo điểm nhấn về hình ảnh và bản sắc của điểm đến. Nhà điểm

đón tiếp là không gian giao lưu giữa cộng đồng và du khách, góp phần bảo tồn, giới thiệu giá trị văn hóa địa phương, tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong quản lý và khai thác du lịch, qua đó củng cố sự đồng thuận xã hội và phát triển du lịch bền vững.

- Tác động về giới:

Chính sách không tạo ra sự phân biệt đối xử về giới, bảo đảm cơ hội tiếp cận bình đẳng cho cả nam và nữ trong việc tham gia quản lý, vận hành và kinh doanh tại nhà điểm đón tiếp. Việc trưng bày, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm địa phương mở rộng cơ hội việc làm và thu nhập cho lao động nữ, đặc biệt là phụ nữ tham gia sản xuất, chế biến, thủ công truyền thống và dịch vụ du lịch cộng đồng; qua đó góp phần nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ trong phát triển kinh tế – xã hội địa phương.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính.

b) Giải pháp 2: Hỗ trợ tối đa 550 triệu đồng/nhà vệ sinh/ 01khu, điểm du lịch; tối đa 388 00 triệu đồng/ nhà đón tiếp/ 01khu, điểm du lịch để đầu tư xây dựng nhà vệ sinh công cộng; nhà điểm đón tiếp, trưng bày giới thiệu sản phẩm, hàng hóa đặc sản địa phương, cung cấp thông tin du lịch tại khu, điểm du lịch

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Tương tự như Giải pháp 1

- Tác động về kinh tế – xã hội:

+ Về kinh tế, mức hỗ trợ cao giúp bảo đảm đầu tư xây dựng nhà điểm đón tiếp với quy mô và chất lượng tương đối đồng bộ, đáp ứng tốt yêu cầu đón tiếp, cung cấp thông tin và trưng bày sản phẩm đặc sản tại các khu, điểm du lịch có lượng khách lớn. Công trình được đầu tư bài bản góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, kéo dài thời gian lưu trú và tăng mức chi tiêu của du khách, đồng thời mở rộng kênh quảng bá, tiêu thụ sản phẩm địa phương, tạo thêm việc làm và thu nhập cho cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, do mức hỗ trợ cao, nếu triển khai trên diện rộng có thể làm giảm khả năng phân bổ nguồn lực cho nhiều khu, điểm du lịch khác, ảnh hưởng đến tính lan tỏa chung của chính sách.

Đối với Nhà nước sẽ phát sinh chi phí cao hơn Giải pháp 1 khi thực hiện chính sách: Dự báo đến năm 2023 có 70 điểm được công nhận, trong đó có 15 điểm đã có nhà điểm đón tiếp, trưng bày giới thiệu sản phẩm. Vì vậy, dự kiến, giai đoạn 2026-2030, hỗ trợ đầu tư là 50 khu, điểm du lịch, số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ 938 tỷ đồng (*hỗ trợ 100% chi phí thực tế*), tăng 338 tỷ đồng so với phương án 1. Trung bình hàng năm ngân sách tỉnh phải chi trên 187tỷ đồng/năm. Như vậy hàng năm ngân sách nhà nước sẽ khó khăn cân đối nguồn lực.

+ Về xã hội: Tương tự như Giải pháp 1

- Tác động về giới: Tương tự như Giải pháp 1

- Tác động về thủ tục hành chính: Tương tự như Giải pháp 1

6.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

- Lựa chọn Giải pháp 1: Hỗ trợ 300 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch để đầu tư xây dựng nhà điểm đón tiếp, trưng bày giới thiệu sản phẩm, hàng hóa đặc sản địa phương, cung cấp thông tin du lịch tại khu, điểm du lịch

- Lý do lựa chọn Giải pháp 1:

+ Thứ nhất, Giải pháp 1 phù hợp hơn với khả năng cân đối ngân sách nhà nước, bảo đảm tính khả thi khi triển khai đồng thời tại nhiều khu, điểm du lịch, đặc biệt là các khu, điểm du lịch cộng đồng còn hạn chế về nguồn lực.

+ Thứ hai, mức hỗ trợ của Giải pháp 1 đã đáp ứng yêu cầu đầu tư các hạng mục thiết yếu của nhà điểm đón tiếp (không gian đón khách, cung cấp thông tin, trưng bày sản phẩm đặc sản), đồng thời khuyến khích địa phương và cộng đồng chủ động huy động thêm các nguồn lực hợp pháp khác để hoàn thiện, nâng cao hiệu quả khai thác công trình.

+ Thứ ba, việc lựa chọn Giải pháp 1 bảo đảm tính công bằng và lan tỏa của chính sách, cho phép hỗ trợ được nhiều khu, điểm du lịch hơn, qua đó nâng cao hiệu quả tổng thể trong xúc tiến, quảng bá du lịch và tiêu thụ sản phẩm địa phương trên phạm vi toàn tỉnh.

+ Thứ tư, so với Giải pháp 2 (*mức hỗ trợ 938 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch*), Giải pháp 1 đơn giản hơn trong tổ chức thực hiện, quản lý, giám sát và vận hành sau đầu tư, hạn chế rủi ro về thủ tục đầu tư xây dựng, kéo dài thời gian triển khai và phát sinh chi phí không cần thiết.

Vì vậy, Giải pháp 1 là phương án hợp lý, khả thi và bền vững, bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu nâng cao chất lượng đón tiếp, quảng bá du lịch với yêu cầu sử dụng hiệu quả, tiết kiệm ngân sách nhà nước.

7. Chính sách 7: Chính sách hỗ trợ đầu tư hệ thống quản lý du lịch thông minh tại khu, điểm du lịch

7.1. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1: Hỗ trợ tối đa 80 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch đầu tư mua sắm thiết bị quản lý du lịch thông minh tại khu, điểm du lịch. Hạng mục hỗ trợ: đầu tư 01 bộ máy tính, 01 máy in hóa đơn điện tử, 04 camera giám sát, 01 tivi theo dõi khách du lịch.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật

Chính sách không làm phát sinh mâu thuẫn, chồng chéo với hệ thống pháp luật hiện hành, phù hợp với các quy định của pháp luật về du lịch, chuyển đổi số, quản lý ngân sách nhà nước và mua sắm tài sản công; phù hợp với quy định tại Luật Du lịch: Khoản 2, Điều 5; *điểm d, khoản 4, Điều 5; khoản 2, Điều 19*. Việc xây dựng chính sách trên cơ sở quan điểm, chủ trương của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030 và Nghị quyết số -NQ/TU ngày của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa I) về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

- Tác động về kinh tế – xã hội

+ Về kinh tế, chính sách giúp các khu, điểm du lịch, đặc biệt là du lịch cộng đồng, giảm chi phí đầu tư ban đầu cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý; tạo điều kiện chuẩn hóa công tác thống kê, theo dõi khách du lịch và minh bạch hóa hoạt động dịch vụ. Việc nâng cao hiệu quả quản lý góp phần tăng hiệu quả khai thác du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, từ đó tăng doanh thu và thu

nhập cho người dân, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước thông qua đầu tư nhỏ nhưng có tác động lan tỏa.

Dự báo đến năm 2023 có 70 khu, điểm du lịch được công nhận. Dự kiến, giai đoạn 2026-2030, hỗ trợ đầu tư là 50 khu, điểm du lịch, số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ 04 tỷ đồng, trong đó năm 2026: 560 triệu đồng; năm 2027: 1,2 tỷ đồng; năm 2028: 1,2 tỷ đồng; năm 2029: 560 triệu đồng; năm 2030: 480 triệu đồng. Trung bình hàng năm ngân sách tỉnh chi trên 800 triệu đồng/năm

+ Về xã hội, chính sách góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp, hiện đại trong quản lý và phục vụ du lịch, cải thiện trải nghiệm của du khách, nâng cao hình ảnh và uy tín của điểm đến. Việc ứng dụng thiết bị quản lý du lịch thông minh còn thúc đẩy chuyển đổi số ở cơ sở, nâng cao kỹ năng số cho cộng đồng và ban quản lý khu, điểm du lịch, qua đó tăng cường sự tham gia và trách nhiệm của cộng đồng trong quản lý hoạt động du lịch, góp phần phát triển du lịch bền vững.

- Tác động về giới: Chính sách không tạo ra sự phân biệt đối xử về giới, bảo đảm cơ hội tiếp cận bình đẳng cho cả nam và nữ trong việc tham gia quản lý, vận hành và khai thác hoạt động du lịch. Việc ứng dụng công nghệ giúp giảm lao động thủ công, nâng cao hiệu quả công việc, tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ, nhất là phụ nữ tham gia du lịch cộng đồng, nâng cao kỹ năng, tăng cơ hội việc làm ổn định và cải thiện thu nhập, qua đó góp phần nâng cao vai trò và vị thế của phụ nữ trong phát triển du lịch địa phương.

b) Giải pháp 2: Không đề xuất chính sách

1.1. Đánh giá tác động

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Giải pháp không đề xuất chính sách không làm phát sinh nghĩa vụ chi ngân sách nhà nước, không yêu cầu ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, phương án này chưa cụ thể hóa đầy đủ các chủ trương, định hướng của Nhà nước về chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch và cải cách hành chính, làm chậm tiến trình hiện đại hóa công tác quản lý du lịch ở cấp cơ sở.

- Tác động về kinh tế – xã hội:

+ Về kinh tế, việc không có chính sách hỗ trợ khiến nhiều khu, điểm du lịch, đặc biệt là du lịch cộng đồng, không đủ nguồn lực để đầu tư thiết bị quản lý du lịch thông minh, dẫn đến công tác quản lý tiếp tục thực hiện thủ công, kém hiệu quả, giảm khả năng khai thác du lịch và cơ hội gia tăng doanh thu, thu nhập của người dân. Giải pháp không sử dụng ngân sách nhà nước, do đó không phát sinh chi ngân sách trong ngắn hạn.

+ Về xã hội, việc chậm ứng dụng công nghệ thông tin làm giảm tính chuyên nghiệp, minh bạch trong quản lý và phục vụ du lịch, ảnh hưởng đến trải nghiệm của du khách và hình ảnh điểm đến. Đồng thời, phương án này hạn chế cơ hội nâng cao năng lực số của cộng đồng, làm giảm sự tham gia chủ động của người dân trong quản lý và phát triển du lịch bền vững.

- Tác động về giới: Giải pháp không đề xuất chính sách không tạo ra tác động tích cực về giới; trong khi đó, việc duy trì phương thức quản lý thủ công gia tăng

gánh nặng lao động cho phụ nữ, hạn chế cơ hội tiếp cận công nghệ, nâng cao kỹ năng và cải thiện thu nhập của lao động nữ trong hoạt động du lịch cộng đồng.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không

7.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

- Lựa chọn Giải pháp 1: Ban hành chính sách hỗ trợ 30 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch để đầu tư mua sắm thiết bị quản lý du lịch thông minh tại các khu, điểm du lịch.

- Lý do lựa chọn giải pháp:

+ Thứ nhất, Giải pháp 1 phù hợp với chủ trương chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch, góp phần hiện đại hóa công tác quản lý, thống kê và theo dõi hoạt động du lịch tại cơ sở.

+ Thứ hai, mức hỗ trợ 30 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch là phù hợp, khả thi, không tạo áp lực lớn đối với ngân sách nhà nước nhưng đủ để hỗ trợ các khu, điểm du lịch, đặc biệt là du lịch cộng đồng, tiếp cận và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý.

+ Thứ ba, giải pháp này bảo đảm tính công bằng và lan tỏa của chính sách, cho phép nhiều khu, điểm du lịch được tiếp cận hỗ trợ, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý chung và chất lượng phục vụ du khách trên phạm vi toàn tỉnh.

+ Thứ tư, so với phương án không đề xuất chính sách, Giải pháp 1 mang lại tác động tích cực rõ rệt về kinh tế – xã hội và giới, đồng thời dễ tổ chức thực hiện, quản lý, giám sát và quyết toán, không phát sinh vướng mắc pháp lý.

Vì vậy, Giải pháp 1 là phương án hợp lý, khả thi và bền vững, đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả quản lý du lịch, thúc đẩy chuyển đổi số và phát triển du lịch theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp.

8. Chính sách 8. Chính sách hỗ trợ xúc tiến, quảng bá du lịch

- Hỗ trợ 100 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch/01 lần đạt danh hiệu tại khu, điểm du lịch đạt giải thưởng du lịch do Tổ chức Du lịch Thế giới tổ chức.

- Hỗ trợ 50 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch tại khu, điểm du lịch đạt giải thưởng du lịch cấp khu vực (Châu Á; Châu Á-Thái Bình Dương; ASEAN; tiểu vùng (Mekong, Đông Nam Á...) tổ chức.

- Hỗ trợ 30 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch/01 lần đạt giải thưởng các khu, điểm du lịch đạt giải thưởng du lịch cấp quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Hiệp hội Du lịch Việt Nam tổ chức

8.1. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1:

- Hỗ trợ 100 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch/01 lần đạt danh hiệu tại khu, điểm du lịch đạt giải thưởng du lịch do Tổ chức Du lịch Thế giới tổ chức.

- Hỗ trợ 50 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch tại khu, điểm du lịch đạt giải thưởng du lịch cấp khu vực (Châu Á; Châu Á-Thái Bình Dương; ASEAN; tiểu vùng (Mekong, Đông Nam Á...) tổ chức.

- Hỗ trợ 30 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch/01 lần đạt giải thưởng các khu, điểm du lịch đạt giải thưởng du lịch cấp quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Hiệp hội Du lịch Việt Nam tổ chức.

*** Tác động đối với hệ thống pháp luật**

Chính sách không làm phát sinh mâu thuẫn, chồng chéo với hệ thống pháp luật hiện hành, phù hợp với các quy định về ngân sách nhà nước, du lịch và xúc tiến quảng bá du lịch. Việc thực hiện chính sách không yêu cầu sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật, chỉ cần hướng dẫn tổ chức thực hiện và kiểm soát hồ sơ theo quy định. Việc xây dựng chính sách trên cơ sở quan điểm, chủ trương của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và Nghị quyết số -NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa I) về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, đồng thời trên cơ sở thống nhất và đồng bộ với nội dung quy định tại điểm a, d khoản 4, Điều 5, Luật Du lịch 2017.

*** Tác động về kinh tế – xã hội**

- Về kinh tế, chính sách góp phần nâng cao hiệu quả xúc tiến, quảng bá du lịch, gia tăng sức hấp dẫn và uy tín của điểm đến, từ đó thu hút khách du lịch, kéo dài thời gian lưu trú và tăng mức chi tiêu. Việc hỗ trợ sau khi đạt giải giúp các khu, điểm du lịch tái đầu tư, duy trì chất lượng dịch vụ, qua đó tăng doanh thu và thu nhập cho cộng đồng làm du lịch. Tác động tiêu cực không đáng kể; kinh phí hỗ trợ mang tính khuyến khích, có mục tiêu, chi một lần, phù hợp khả năng cân đối ngân sách.

Đối với Nhà nước phát sinh chi phí thực hiện chính sách: Dự báo đến năm 2023 có 70 khu, điểm du lịch được công nhận. Vì vậy, dự kiến, hỗ trợ các khu, điểm đoạt giải giai đoạn 2026-2030 là 1,310 tỷ đồng, cụ thể hỗ trợ các khu, điểm du lịch 03 đạt giải thưởng du lịch do Tổ chức du lịch thế giới tổ chức là 300 triệu đồng; hỗ trợ các khu điểm du lịch 10 đạt giải thưởng du lịch cấp khu vực là 500 triệu đồng; hỗ trợ các khu điểm du lịch 17 đạt giải thưởng du lịch cấp quốc gia là 510 triệu đồng. Trung bình hàng năm ngân sách tỉnh chi trên 260 tỷ đồng/năm.

+ Về xã hội, Chính sách góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng và doanh nghiệp du lịch về chất lượng, thương hiệu và chuẩn mực dịch vụ, tạo động lực thi đua lành mạnh giữa các khu, điểm du lịch. Đồng thời, việc lan tỏa các danh hiệu du lịch giúp tăng niềm tự hào cộng đồng, củng cố hình ảnh điểm đến văn minh, chuyên nghiệp, thúc đẩy sự tham gia tích cực của người dân vào phát triển du lịch bền vững.

*** Tác động về giới**

Chính sách không tạo ra sự phân biệt đối xử về giới, bảo đảm cơ hội tiếp cận bình đẳng cho cả nam và nữ trong việc tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động du lịch. Thông qua việc hỗ trợ phát triển du lịch, chính sách mở rộng cơ hội việc làm, tăng thu nhập cho lao động nữ, đặc biệt là phụ nữ tham gia du lịch cộng đồng, dịch vụ và sản xuất sản phẩm địa phương; qua đó góp phần nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ trong phát triển kinh tế – xã hội tại địa phương.

*** Tác động về thủ tục hành chính: Không**

b) Giải pháp 3: Không đề xuất chính sách hỗ trợ.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Phương án không hỗ trợ không phát sinh nghĩa vụ ngân sách và không yêu cầu sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật. Tuy nhiên, phương án này chưa phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về khuyến khích xúc tiến, quảng bá du lịch, nâng cao năng lực cạnh tranh điểm đến, làm giảm hiệu quả thực hiện các mục tiêu phát triển du lịch bền vững đã được xác định trong các chiến lược, quy hoạch và nghị quyết liên quan..

- Tác động về kinh tế:

Phương án không hỗ trợ giúp không phát sinh chi ngân sách nhà nước trong ngắn hạn. Tuy nhiên, do chi phí tham gia, duy trì tiêu chuẩn và truyền thông sau khi đạt giải thưởng du lịch thường cao, đặc biệt đối với các giải thưởng uy tín quốc tế và khu vực, nhiều khu, điểm du lịch sẽ không đủ nguồn lực để chủ động tham gia hoặc duy trì danh hiệu. Điều này làm giảm cơ hội quảng bá hình ảnh điểm đến, hạn chế khả năng thu hút khách du lịch, kéo dài thời gian lưu trú và tăng mức chi tiêu, qua đó làm giảm tác động lan tỏa tích cực của du lịch đối với phát triển kinh tế địa phương trong dài hạn.

- Tác động về xã hội:

Việc không có chính sách hỗ trợ sẽ làm giảm động lực thi đua nâng cao chất lượng dịch vụ giữa các khu, điểm du lịch, ảnh hưởng đến quá trình chuẩn hóa và chuyên nghiệp hóa hoạt động du lịch. Giá trị tinh thần và uy tín xã hội mà các danh hiệu du lịch mang lại chưa được phát huy đầy đủ, làm giảm niềm tự hào của cộng đồng địa phương và hạn chế sự tham gia tích cực của người dân trong việc gìn giữ, nâng cao chất lượng điểm đến.

- Tác động về giới:

Phương án không hỗ trợ không tạo ra tác động tích cực rõ rệt đối với bình đẳng giới; ngược lại, do hạn chế nguồn lực đầu tư, nhiều khu, điểm du lịch cộng đồng, nơi lao động nữ chiếm tỷ lệ cao, khó mở rộng hoạt động và nâng cao chất lượng dịch vụ, từ đó giảm cơ hội việc làm, thu nhập và nâng cao vị thế kinh tế của phụ nữ trong lĩnh vực du lịch.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính.

8.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

* Lựa chọn Giải pháp 1: Chính sách hỗ trợ khu, điểm du lịch đạt giải thưởng du lịch theo cấp độ giải thưởng, gồm:

- Hỗ trợ 100 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch/01 lần đạt danh hiệu tại khu, điểm du lịch đạt giải thưởng du lịch do Tổ chức Du lịch Thế giới tổ chức

- Hỗ trợ 50 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch tại khu, điểm du lịch đạt giải thưởng du lịch cấp khu vực (Châu Á; Châu Á-Thái Bình Dương; ASEAN; tiểu vùng (Mekong, Đông Nam Á...) tổ chức

- Hỗ trợ 30 triệu đồng/01 khu, điểm du lịch/01 lần đạt giải thưởng các khu, điểm du lịch đạt giải thưởng du lịch cấp quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Hiệp hội Du lịch Việt Nam tổ chức

* Lý do lựa chọn giải pháp:

- Thứ nhất, giải pháp hỗ trợ trực tiếp khuyến khích các khu, điểm du lịch nâng cao chất lượng dịch vụ, chủ động tham gia và đạt các giải thưởng uy tín, qua đó nâng cao hình ảnh, thương hiệu điểm đến của tỉnh trong nước và quốc tế.

- Thứ hai, việc phân tầng mức hỗ trợ theo cấp độ giải thưởng bảo đảm tính hợp lý, công bằng và phù hợp với phạm vi lan tỏa, giá trị truyền thông của từng loại danh hiệu, đồng thời sử dụng ngân sách nhà nước tiết kiệm, có trọng tâm, trọng điểm.

- Thứ ba, chính sách được thiết kế theo hình thức hỗ trợ một lần sau khi đạt giải, không phát sinh chi thường xuyên, dễ quản lý, minh bạch trong tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và quyết toán.

- Thứ tư, so với phương án không đề xuất chính sách, giải pháp này mang lại hiệu quả kinh tế – xã hội và tác động về giới rõ rệt hơn, thúc đẩy phát triển du lịch bền vững, tạo việc làm và tăng thu nhập cho cộng đồng địa phương.

Vì vậy, Giải pháp 1 là phương án hợp lý, khả thi và bền vững, phù hợp với chủ trương xúc tiến, quảng bá du lịch, nâng cao năng lực cạnh tranh điểm đến và sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước.

III. PHỤ LỤC

(Có bảng biểu thuyết minh kinh phí kèm theo)

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Sở Nội vụ;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Hiệp hội Du lịch tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QL DL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Hoài

